KẾT QUẢ KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12
VÒNG 1 NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
1	I126	TRẦN NHẬT QUANG	30/01/2002	Nguyễn Huệ	20
2	I019	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	11/3/2002	Hà Nội- Amsterdam	20
3	I127	TRỊNH HỮU TÂN	04/07/2002	Nguyễn Huệ	20
4	I115	NGUYỄN XUÂN LONG	06/01/2003	Nguyễn Huệ	19.6
5	I121	TRẦN ĐỨC HOÀNG NAM	20/02/2003	Nguyễn Huệ	19.4
6	I123	BÙI ANH NHẬT	07/10/2003	Nguyễn Huệ	18
7	I106	LÊ ĐỨC MAI HOÀNG	17/11/2002	Nguyễn Huệ	17.9
8	I004	VŨ VIỆT BÁCH	28/9/2002	Hà Nội- Amsterdam	17.5
9	I031	LÊ ĐỨC MINH	4/1/2004	Hà Nội- Amsterdam	17
10	I021	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	8/4/2002	Hà Nội- Amsterdam	17
11	I045	NGUYỄN MINH TRANG	14/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	17
12	I100	LÊ QUANG ĐÔNG	19/04/2003	Nguyễn Huệ	16.8
13	I107	NGÔ ĐỨC HÙNG	16/07/2002	Nguyễn Huệ	16.4
14	I112	NGUYỄN VIỆT ANH KHOA	10/02/2003	Nguyễn Huệ	16.4
15	I002	LƯƠNG SƠN BÁ	08/07/2002	Chu Văn An	16.3
16	I131	KIỀU MINH TUẤN	05/01/2003	Nguyễn Huệ	15.8
17	I040	NGUYỄN HOÀNG VĨNH PHONG	03/03/2003	Chu Văn An	15.4
18	I050	PHẠM THẾ VŨ	20/05/2002	Chu Văn An	15.2
19	I026	NGUYỄN LÊ TƯỜNG LÂN	14/09/2002	Chu Văn An	15.2
20	I102	NGUYỄN TRUNG DŨNG	06/01/2002	Nguyễn Huệ	15
21	I001	NGUYỄN QUỐC ANH	03/12/2002	Chu Văn An	14.8
22	I016	CHỬ MINH HÀ	17/11/2003	Chu Văn An	14.6
23	I103	PHẠM TIẾN DŨNG	08/08/2003	Nguyễn Huệ	14.5
24	I003	TRƯƠNG GIA BÁCH	26/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	14.2
25	I037	ĐỖ NGUYỄN HẢI NAM	28/12/2003	Hà Nội- Amsterdam	14.2
26	I036	VƯƠNG HOÀNG MINH	22/10/2003	Chu Văn An	14.1
27	I114	NGUYỄN HỒNG LĨNH	08/12/2003	Nguyễn Huệ	13.5
28	I095	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	29/10/2003	Thăng Long	13.3
29	I006	NGÔ QUỐC ĐẠT	8/1/2003	Hà Nội- Amsterdam	13.3
30	I041	BÙI HUY LINH PHÚC	1/3/2003	Hà Nội- Amsterdam	13
31	I132	NGUYỄN MINH TUẤN	07/03/2003	Nguyễn Huệ	12.8
32	I020	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	22/04/2003	Chu Văn An	12.7
33	I108	NGUYỄN MẠNH HÙNG	13/10/2003	Nguyễn Huệ	12.6
34	I047	NGUYỄN THÀNH TRUNG	29/10/2004	Hà Nội- Amsterdam	12.6
35	I014	NGUYỄN HÀ DUY	4/3/2004	Hà Nội- Amsterdam	12.4
36	I048	NGUYỄN ANH TÚ	12/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.4

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
37	I120	LƯƠNG HOÀI NAM	09/10/2003	Nguyễn Huệ	12.4
38	I118	HÀ HIẾU MINH	13/10/2003	Nguyễn Huệ	12.2
39	I035	TRẦN HIẾU MINH	31/08/2003	Chu Văn An	12.1
40	I032	NGUYỄN ANH MINH	31/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	12
41	I160	VƯƠNG DUY ĐỨC TÚ	03/11/2002	Thạch Thất	11.8
42	I030	HOÀNG CAO MINH	18/12/2002	Chu Văn An	11.6
43	I011	NGUYỄN VIỆT DŨNG	11/11/2003	Chu Văn An	11.6
44	I128	ĐỖ NHẬT THÀNH	18/05/2003	Nguyễn Huệ	11.4
45	I086	ĐÀO XUÂN NGHĨA	05/06/2003	Mê Linh	11.3
46	I063	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	16/03/2002	Nguyễn Gia Thiều	11.2
47	I067	HOÀNG TRUNG HIẾU	31/7/2002	Liên Hà	11
48	I135	TÔN THẤT VIỆT	21/09/2003	Nguyễn Huệ	11
49	I028	ĐẶNG HOÀNG LONG	07/08/2002	Chu Văn An	11
50	I044	ĐỖ TRỌNG THƯ	06/08/2002	Chu Văn An	11
51	I060	NGUYỄN NGỌC ÁNH	08/09/2002	Ngọc Hồi	10.9
52	I148	ĐẶNG THỊ THANH MAI	02/07/2003	Phùng Khắc Khoan - TT	10.9
53	I081	HOÀNG TRẦN NHẬT MINH	21/6/2002	Thăng Long	10.9
54	I033	PHẠM LÊ MINH	29/03/2003	Chu Văn An	10.8
55	I113	PHẠM GIA LINH	26/12/2002	Hoài Đức A	10.8
56	I084	NGUYỄN TIẾN MINH	13/8/2003	Thăng Long	10.6
57	I157	NGUYỄN THÙY TRANG	09/02/2002	Sơn Tây	10.6
58	I082	NGUYỄN ĐĂNG MINH	23/11/2002	Phan Đình Phùng	10.5
59	I015	HỒ THU GIANG	25/1/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.5
60	I158	ĐẶNG THỊ THANH TRÚC	02/07/2003	Phùng Khắc Khoan - TT	10.4
61	I093	VŨ CHÍ THÀNH	04/04/2002	Kim Liên	10.4
62	I065	NGUYỄN DUY ĐỨC	22/09/2002	Dương Xá	10.3
63	I077	HÀ DIỆU LINH	20/09/2002	Nguyễn Gia Thiều	10.3
64	I117	NGUYỄN BÁ MẠNH	03/4/2002	Cao Bá Quát-Q.O	10.3
65	I029	ĐẶNG TRẦN NHẬT MINH	5/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.3
66	I085	PHẠM ĐỨC MINH	15/11/2002	Phan Đình Phùng	10.3
67	I152	KHUẤT THỊ MỸ TÂM	02/06/2002	Sơn Tây	10.3
68	I059	TRẦN DUY ANH	4/10/2003	Lê Quý Đôn-ĐĐ	10.3
69	I010	NGUYỄN NGỌC DŨNG	11/03/2002	Chu Văn An	10.3
70	I012	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	28/3/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.3
71	I042	ĐOÀN HỮU PHÚC	18/09/2003	Chu Văn An	10.3
72	I151	NGUYỄN VĂN QUÂN	04/5/2002	Thạch Thất	10.3
73	I150	NGUYỄN QUÝ NAM	22/05/2002	Đan Phượng	10.3
74	I013	ĐẶNG SỸ DUY	19/3/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.2
75	I049	MAI QUANG TÙNG	09/09/2002	Chu Văn An	10.2

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
76	I144	NGUYỄN HOÀNG LÂM	14/8/2002	Quảng Oai	10.1
77	I119	VŨ NHẬT MINH	05/08/2003	Nguyễn Huệ	10
78	I146	BÙI HOÀNG LONG	06/02/2003	Sơn Tây	9.9
79	I091	LÊ DUY QUANG	29/09/2003	Hoàng Văn Thụ	9.9
80	I008	NGHIÊM QUANG DŨNG	7/8/2003	Hà Nội- Amsterdam	9.5
81	I018	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	09/12/2002	Chu Văn An	9.4
82	I130	NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG	07/01/2002	Cao Bá Quát-Q.O	8.8
83	I052	LƯU BÁ ANH	17/02/2003	Phúc Lợi	8.7
84	I087	VŨ TRUNG NGHĨA	22/5/2002	Ngọc Hồi	8.7
85	I072	NGUYỄN CÔNG HUY	28/6/2002	Yên Lãng	8.3
86	I022	NGUYỄN NGỌC HUY	20/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	7.6
87	I007	LÊ MINH ĐỨC	06/12/2003	Chu Văn An	7.4
88	I038	TRẦN HỮU NGHĨA	26/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	7.4
89	I104	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	22/03/2003	Nguyễn Huệ	7.2
90	I136	LƯƠNG MINH ANH	17/02/2003	Sơn Tây	7.1
91	I145	NGUYỄN THỊ LOAN	30/8/2002	Tân Lập	7.1
92	I139	TẠ QUANG ĐÔNG	22/03/2002	Quảng Oai	7
93	I023	NGUYỄN QUANG HUY	29/07/2003	Chu Văn An	6.9
94	I074	TRƯƠNG TUẤN HUY	05/03/2002	Cao bá Quát - GL	6.9
95	I092	MA ĐỨC THÁI	03/8/2002	Phạm Hồng Thái	6.5
96	I111	PHAN XUÂN KHIÊM	24/04/2003	Lê Quý Đôn - HĐ	6.5
97	I088	BÙI ĐÌNH KHẢI NGUYÊN	23/09/2002	Lý Thường Kiệt	6.5
98	I009	NGÔ QUANG DŨNG	28/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	6.5
99	I017	VŨ MINH HIỂN	28/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	6.5
100	I024	PHÙNG ĐÌNH GIA HUY	07/08/2003	Chu Văn An	6.5
101	I061	VĂN VIỆT BÁCH	02/3/2002	Phạm Hồng Thái	6.2
102	I090	NGÔ QUANG NGUYÊN	25/04/2002	Phúc Lợi	6.1
103	I134	NGUYỄN BÁ VIỆT	15/01/2002	Vạn Xuân - H.Đức	6.1
104	I079	PHẠM NGỌC LONG	22/03/2002	Phan Đình Phùng	5.9
105	I094	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	05/10/2002	Mê Linh	5.8
106	I034	TỐNG ĐỨC MINH	05/04/2003	Chu Văn An	5.6
107	I143	KIỀU THU HẰNG	02/06/2003	Sơn Tây	5.6
108	I147	KHUẤT DUY LONG	21/1/2002	Phúc Thọ	5.5
109	I153	NGUYỄN XUÂN THẮNG	12/07/2002	Đan Phượng	5.3
110	I105	NGUYỄN CÔNG HÀ	21/11/2002	Nguyễn Huệ	5.2
111	I005	HOÀNG QUỐC BẢO	26/12/2003	Hà Nội- Amsterdam	5.1
112	I156	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRAN	22/01/2002	Sơn Tây	4.6
113	I071	ĐÀM TRỌNG HƯNG	10/06/2002	Nguyễn Gia Thiều	4.3
114	I149	NGUYỄN VĂN MẠNH	01/09/2003	Sơn Tây	4.1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
115	I142	ĐINH CÔNG HẢI	29/05/2002	Tùng Thiện	4.1
116	I027	BẾ ĐÌNH HOÀNG LONG	05/11/2002	Chu Văn An	4
117	I039	NGÔ HOÀNG PHONG	2/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	4
118	I076	NGUYỄN GIA KHÁNH	06/07/2002	Việt Đức	4
119	I154	NGUYỄN HÀ THU	18/03/2002	Sơn Tây	3.5
120	I054	NGUYỄN ĐÌNH ANH	13/01/2003	Việt Đức	3.3
121	I080	TRẦN VĂN MẠNH	15/05/2002	Thượng Cát	3.1
122	I122	NGUYỄN TUẤN NGUYÊN	17/06/2003	Nguyễn Huệ	3.1
123	I124	NGÔ DUY PHƯƠNG	31/12/2002	Minh Khai	3
124	I066	NGUYỄN QUỐC HẢI	29/04/2002	Quang Minh	2.1
125	I133	NGUYỄN ĐẶNG YẾN VI	27/04/2002	Lê Quý Đôn - HĐ	2.1
126	I075	LÊ QUỐC KHÁNH	19/5/2002	Lê Quý Đôn-ĐĐ	2.1
127	I025	NGUYỄN TUẤN KIỆT	04/12/2002	Chu Văn An	2.1
128	I073	NGUYỄN QUANG HUY	08/11/2002	Hoàng Văn Thụ	2.1
129	I043	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	11/7/2003	Hà Nội- Amsterdam	2
130	I137	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/5/2002	Phúc Thọ	2
131	I140	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	26/08/2002	Hai Bà Trưng - TT	2
132	I159	PHẠM MẠNH TRƯỜNG	26/05/2002	Hữu Nghị 80	2
133	I069	NGUYỄN HUY HOÀNG	13/11/2002	Kim Liên	2
134	I141	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	10/09/2002	Tùng Thiện	2
135	I096	NGUYỄN QUANG TUẤN	14/12/2001	Thạch Bàn	2
136	I101	PHẠM TRƯƠNG MINH ĐỨC	07/03/2002	Chương Mỹ A	2
137	I070	VŨ TUYÊN HOÀNG	28/11/2002	Cao bá Quát - GL	2
138	I099	CHU QUANG ANH	10/03/2002	Hoài Đức B	2
139	I109	NGUYỄN THÀNH HƯNG	05/12/2002	Hoài Đức B	2
140	I051	NGUYỄN QUỐC AN	22/01/2002	Bắc Thăng Long	2
141	I058	NGUYỄN TUẤN ANH	19/9/2002	Việt Nam - Ba Lan	2
142	I057	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH	11/12/2002	Đông Mỹ	1.6
143	I116	LÊ CÔNG LỰC	23/1/2002	Nguyễn Trãi-T.Tín	1.6
144	I062	HOÀNG QUỐC ĐẠT	31/10/2002	Thạch Bàn	1.6
145	I097	LỖ NGUYỄN THÀNH VINH	5/12/2002	Yên Lãng	1.6
146	I053	NGÔ DUY ANH	31/08/2002	Kim Liên	1.5
147	I056	NGUYỄN DUY ANH	19/02/2002	Quang Minh	1.5
148	I078	TRỊNH TẤN LỘC	01/05/2002	Đông Mỹ	1.5
149	I098	VŨ MINH VƯƠNG	12/08/2002	Nguyễn Trãi-BĐ	1.1
150	I129	HÀ DANH TRUNG	1/6/2002	Minh Khai	1.1
151	I046	NGUYỄN QUỐC TRUNG	07/10/2003	Chu Văn An	1.1
152	I083	NGUYỄN HOÀNG MINH	16/03/2002	Thực nghiệm KHGD	1.1
153	I089	ĐẶNG KIM NGUYÊN	04/9/2002	Thượng Cát	1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
154	I138	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	7/11/2002	Tân Lập	1
155	I068	KHÚC TRUNG HIẾU	20/5/2002	Trương Định	1
156	I155	NGUYỄN VĂN TIẾN	27/04/2002	Hai Bà Trưng - TT	1
157	I110	TRẦN DUY KHÁNH	10/10/2003	Nguyễn Huệ	0.6
158	I161	TRẦN THANH TÙNG	11/05/2002	Hữu Nghị 80	0.5
159	I064	PHAN THÀNH ĐẠT	17/06/2002	Lý Thường Kiệt	0.5
160	I125	LÊ ANH QUÂN	01/10/2002	Nguyễn Huệ	0.5
161	I055	NGUYỄN DƯƠNG TUẤN ANH	20/3/2002	Trương Định	0

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2019

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thúy Bạch